

THÔNG BÁO

Kết quả phỏng vấn xét tuyển viên chức ngành Giáo dục năm 2019

Thực hiện Phương án số 09/PA-UBND ngày 02/08/2019 của UBND huyện về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục năm 2019 (đã điều chỉnh, bổ sung); Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hoàng Hóa năm 2019;

Ngày 30, 31/8/2019 Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hoàng Hóa năm 2019 đã tổ chức phỏng vấn xét tuyển viên chức ngành Giáo dục năm 2019. Qua tổng hợp, Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục năm 2019 thông báo kết quả điểm phỏng vấn như sau:

1. Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia phỏng vấn: 310 thí sinh, trong đó:
 - Vị trí giáo viên Mầm non: 244 thí sinh;
 - Vị trí giáo viên Tiểu học: 66 thí sinh (Văn hóa: 48; Thẻ dực: 14; Tin học: 4).
2. Tổng số thí sinh tham gia phỏng vấn: 262 thí sinh.
Tổng số thí sinh vắng: 48 thí sinh.
3. Tổng hợp kết quả phỏng vấn:
 - Số thí sinh có điểm phỏng vấn từ 50 điểm trở lên: 203 thí sinh;
 - Số thí sinh có điểm phỏng vấn dưới 50 điểm: 59 thí sinh.

(Có danh sách kết quả điểm phỏng vấn kèm theo).

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành Giáo dục năm 2019 thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan, thí sinh dự tuyển được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Các Sở Nội vụ; GD&ĐT (báo cáo);
- TTr HU- TTr HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban giám sát;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Đài truyền thanh huyện (đưa tin);
- Lưu HDXT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Lê Sỹ Nghiêm

UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GD 2019

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2019**

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	1	1	Lê Thanh An	14.04.1994	GV Mầm non		66,0	66,0	Sáng
2	1	2	Lê Thị Lan Anh	30.03.1997	GV Mầm non		88,0	88,0	Sáng
3	1	3	Nguyễn Thị Anh	06.08.1997	GV Mầm non		86,0	86,0	Sáng
4	1	4	Nguyễn Phương Anh	07.04.1997	GV Mầm non		46,0	46,0	Sáng
5	1	5	Nguyễn Thị Lan Anh	10.04.1996	GV Mầm non		26,0	26,0	Sáng
6	1	6	Mai Thị Ngọc Ánh	02.02.1997	GV Mầm non		38,0	38,0	Sáng
7	1	7	Lê Thị Bích	15.07.1995	GV Mầm non			0,0	Vắng
8	1	8	Lê Thị Bình	07.03.1989	GV Mầm non			0,0	Vắng
9	1	9	Lê Thị Bình	08.11.1987	GV Mầm non		21,0	21,0	Sáng
10	1	10	Trịnh Thị Bình	13.02.1992	GV Mầm non			0,0	Vắng
11	1	11	Nguyễn Thị Cảnh	10.03.1993	GV Mầm non		56,0	56,0	Sáng
12	1	12	Trần Thị Cúc	05.07.1989	GV Mầm non		32,0	32,0	Sáng
13	1	13	Phạm Thị Diễm	14.01.1985	GV Mầm non			0,0	Vắng
14	1	14	Trần Thị Diệp	04.07.1995	GV Mầm non		60,0	60,0	Sáng
15	1	15	Nguyễn Thị Diệp	27.08.1990	GV Mầm non		57,0	57,0	Sáng
16	1	16	Trần Thị Diệu	10.11.1993	GV Mầm non		57,5	57,5	Sáng
17	1	17	Nguyễn Thị Điều	07.06.1989	GV Mầm non	5,0	73,0	78,0	Chiều
18	1	18	Hoàng Thị Dung	05.04.1986	GV Mầm non		55,0	55,0	Chiều
19	1	19	Trương Thị Dung	03.11.1993	GV Mầm non		85,0	85,0	Chiều
20	1	20	Nguyễn Thùy Dung	11.03.1994	GV Mầm non		51,0	51,0	Chiều
21	1	21	Lê Thị Dung	15.11.1995	GV Mầm non		61,0	61,0	Chiều
22	1	22	Lê Thị Dung	14.07.1989	GV Mầm non		49,0	49,0	Chiều
23	1	23	Lê Thị Dung	05.08.1992	GV Mầm non		41,0	41,0	Chiều
24	1	24	Lê Thị Dung	14.08.1996	GV Mầm non			0,0	Vắng
25	1	25	Lê Thị Dung	16.06.1985	GV Mầm non		70,0	70,0	Chiều
26	1	26	Phạm Thị Dung	10.03.1996	GV Mầm non		41,0	41,0	Chiều
27	1	27	Nguyễn Thị Dung	25.09.1996	GV Mầm non		31,0	31,0	Chiều
28	1	28	Đỗ Thị Dung	19.05.1994	GV Mầm non			0,0	Vắng
29	1	29	Lê Thùy Dung	19.05.1996	GV Mầm non		49,0	49,0	Chiều
30	1	30	Nguyễn Thị Dung	17.10.1997	GV Mầm non			0,0	Vắng

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
31	1	31	Lương Thị Duyên	05.10.1994	GV Mầm non		40,0	40,0	Chiều
32	2	32	Hoàng Thị Duyên	26.10.1988	GV Mầm non	5,0	53,0	58,0	Sáng
33	2	33	Lê Thị Hải Duyên	20.06.1998	GV Mầm non	5,0	50,0	55,0	Sáng
34	2	34	Phạm Thị Giang	21.05.1990	GV Mầm non	5,0	52,0	57,0	Sáng
35	2	35	Hoàng Thị Giang	19.04.1985	GV Mầm non		71,0	71,0	Sáng
36	2	36	Lê Thị Hà	03.03.1987	GV Mầm non		84,0	84,0	Sáng
37	2	37	Nguyễn Thị Hà	19.08.1989	GV Mầm non		61,0	61,0	Sáng
38	2	38	Dương Thị Hà	20.10.1987	GV Mầm non		71,0	71,0	Sáng
39	2	39	Lê Thị Thu Hà	13.09.1994	GV Mầm non		84,0	84,0	Sáng
40	2	40	Phan Thị Hà	23.08.1986	GV Mầm non		61,0	61,0	Sáng
41	2	41	Lê Thị Hà	06.09.1987	GV Mầm non		71,0	71,0	Sáng
42	2	42	Trần Thị Hằng	21.12.1992	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
43	2	43	Hà Thu Hằng	10.07.1989	GV Mầm non	5,0	85,0	90,0	Sáng
44	2	44	Nguyễn Thị Hằng	14.12.1994	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
45	2	45	Lê Thị Hằng	17.05.1985	GV Mầm non	5,0	56,0	61,0	Sáng
46	2	46	Lê Thu Hằng	19.07.1994	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
47	2	47	Vũ Thị Hằng	06.06.1989	GV Mầm non		64,0	64,0	Sáng
48	2	48	Cao Thị Hạnh	10.11.1984	GV Mầm non		31,0	31,0	Chiều
49	2	49	Lê Thị Hạnh	21.08.1990	GV Mầm non	5,0	75,0	80,0	Chiều
50	2	50	Trịnh Thị Hạnh	15.10.1996	GV Mầm non		72,0	72,0	Chiều
51	2	51	Đỗ Thị Hạnh	11.09.1987	GV Mầm non		75,0	75,0	Chiều
52	2	52	Nguyễn Thị Hậu	01.09.1998	GV Mầm non		11,0	11,0	Chiều
53	2	53	Đinh Thị Hậu	08.10.1990	GV Mầm non		85,5	85,5	Chiều
54	2	54	Trương Thị Hiền	22.09.1995	GV Mầm non		26,0	26,0	Chiều
55	2	55	Lê Thục Hiền	24.04.1993	GV Mầm non			0,0	Vắng
56	2	56	Đỗ Thị Hiền	02.02.1985	GV Mầm non		75,5	75,5	Chiều
57	2	57	Nguyễn Thị Hiền	27.09.1986	GV Mầm non		64,0	64,0	Chiều
58	2	58	Chu Thị Hiền	06.04.1987	GV Mầm non		61,0	61,0	Chiều
59	2	59	Nguyễn Thị Hiền	25.06.1995	GV Mầm non			0,0	Vắng
60	2	60	Hàn Thị Hiền	10.12.1989	GV Mầm non		35,0	35,0	Chiều
61	2	61	Lê Thị Hiền	10.07.1987	GV Mầm non		79,0	79,0	Chiều
62	2	62	Nguyễn Thị Hiền	05.06.1996	GV Mầm non			0,0	Vắng
63	3	63	Đỗ Thị Hiền	25.03.1990	GV Mầm non		58,0	58,0	Sáng
64	3	64	Lê Thị Hiền	28.12.1989	GV Mầm non		50,5	50,5	Sáng

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
65	3	65	Lê Thị Hiền	12.08.1994	GV Mầm non		70,5	70,5	Sáng
66	3	66	Trương Thị Hoa	23.07.1993	GV Mầm non	5,0	53,5	58,5	Sáng
67	3	67	Nguyễn Thị Hoa	03.07.1991	GV Mầm non			0,0	Vắng
68	3	68	Lê Thị Hoa	09.10.1989	GV Mầm non	5,0	62,5	67,5	Sáng
69	3	69	Nguyễn Thị Hòa	30.01.1990	GV Mầm non		51,0	51,0	Sáng
70	3	70	Lê Thị Hồng	03.10.1985	GV Mầm non		60,0	60,0	Sáng
71	3	71	Trịnh Thị Thu Hồng	15.11.1990	GV Mầm non		83,5	83,5	Sáng
72	3	72	Nguyễn Thị Hồng	02.07.1996	GV Mầm non		86,0	86,0	Sáng
73	3	73	Lê Thị Huệ	24.08.1989	GV Mầm non		75,0	75,0	Sáng
74	3	74	Lê Thị Huệ	02.06.1984	GV Mầm non		45,0	45,0	Sáng
75	3	75	Lê Thị Huệ	15.08.1996	GV Mầm non		85,0	85,0	Sáng
76	3	76	Nguyễn Thị Huệ	07.04.1995	GV Mầm non		26,0	26,0	Sáng
77	3	77	Lê Thị Hương	15.08.1994	GV Mầm non	5,0	72,5	77,5	Sáng
78	3	78	Lê Thị Hương	01.09.1990	GV Mầm non		85,0	85,0	Sáng
79	3	79	Lê Thị Hương	20.08.1986	GV Mầm non		84,0	84,0	Chiều
80	3	80	Nguyễn Thị Hương	03.11.1993	GV Mầm non		50,0	50,0	Chiều
81	3	81	Lê Thị Hương	20.09.1986	GV Mầm non		74,0	74,0	Chiều
82	3	82	Nguyễn Thị Hương	25.01.1997	GV Mầm non		74,0	74,0	Chiều
83	3	83	Lê Thị Hương	23.07.1982	GV Mầm non		40,0	40,0	Chiều
84	3	84	Lê Thị Hương	28.02.1996	GV Mầm non		40,0	40,0	Chiều
85	3	85	Dư Thị Hương	13.09.1994	GV Mầm non		30,0	30,0	Chiều
86	3	86	Trịnh Thị Thu Hương	26.01.1990	GV Mầm non			0,0	Vắng
87	3	87	Lê Thị Hường	10.06.1989	GV Mầm non		72,0	72,0	Chiều
88	3	88	Lữ Thị Hường	06.11.1990	GV Mầm non		51,0	51,0	Chiều
89	3	89	Cao Thị Hường	24.08.1992	GV Mầm non		60,0	60,0	Chiều
90	3	90	Nguyễn Thị Thu Hương	22.02.1992	GV Mầm non			0,0	Vắng
91	3	91	Nguyễn Thị Hường	01.04.1996	GV Mầm non		73,0	73,0	Chiều
92	3	92	Cao Thị Hường	16.06.1993	GV Mầm non		30,0	30,0	Chiều
93	3	93	Hoàng Thị Huyền	28.10.1996	GV Mầm non		85,0	85,0	Chiều
94	4	94	Lê Thị Huyền	11.08.1987	GV Mầm non		51,0	51,0	Sáng
95	4	95	Trương Thị Huyền	16.09.1995	GV Mầm non		42,0	42,0	Sáng
96	4	96	Lê Thị Huyền	12.03.1997	GV Mầm non		74,0	74,0	Sáng
97	4	97	Trương Thị Huyền	13.03.1998	GV Mầm non		41,0	41,0	Sáng
98	4	98	Lê Thị Lan	02.09.1987	GV Mầm non		42,0	42,0	Sáng

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
99	4	99	Phạm Thị Lan	15.05.1988	GV Mầm non			0,0	Vắng
100	4	100	Hoàng Thị Lân	21.02.1983	GV Mầm non	5,0	62,0	67,0	Sáng
101	4	101	Hà Thị Lệ	08.02.1982	GV Mầm non	5,0	83,0	88,0	Sáng
102	4	102	Nguyễn Thị Lệ	15.10.1996	GV Mầm non		86,0	86,0	Sáng
103	4	103	Lê Thị Lệ	02.09.1992	GV Mầm non		86,0	86,0	Sáng
104	4	104	Lường Thị Lệ	25.07.1994	GV Mầm non		12,0	12,0	Sáng
105	4	105	Trần Thị Liên	20.10.1991	GV Mầm non		49,0	49,0	Sáng
106	4	106	Vũ Thị Liên	13.04.1995	GV Mầm non		21,0	21,0	Sáng
107	4	107	Lê Thị Liên	25.03.1983	GV Mầm non		71,0	71,0	Sáng
108	4	108	Đỗ Thị Liên	21.10.1989	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
109	4	109	Lê Thị Liễu	27.12.1986	GV Mầm non		39,0	39,0	Sáng
110	4	110	Nguyễn Thị Linh	02.11.1992	GV Mầm non		58,0	58,0	Chiều
111	4	111	Đỗ Thị Thùy Linh	22.10.1990	GV Mầm non		53,0	53,0	Chiều
112	4	112	Lê Thị Linh	01.09.1997	GV Mầm non		81,0	81,0	Chiều
113	4	113	Trương Thị Linh	24.12.1996	GV Mầm non		37,0	37,0	Chiều
114	4	114	Trương Thị Linh	18.04.1996	GV Mầm non			0,0	Vắng
115	4	115	Nguyễn Thị Loan	10.12.1988	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
116	4	116	Hoàng Thị Loan	03.04.1993	GV Mầm non		64,0	64,0	Chiều
117	4	117	Nguyễn Thị Lợi	05.11.1995	GV Mầm non		82,0	82,0	Chiều
118	4	118	Lê Thị Luân	20.11.1984	GV Mầm non		85,0	85,0	Chiều
119	4	119	Lê Thị Mai	12.03.1990	GV Mầm non		50,0	50,0	Chiều
120	4	120	Lê Thị Ngọc Mai	04.06.1987	GV Mầm non			0,0	Vắng
121	4	121	Trần Thị Mai	09.08.1996	GV Mầm non			0,0	Vắng
122	4	122	Vũ Thị Mạnh	14.03.1997	GV Mầm non		68,0	68,0	Chiều
123	4	123	Nguyễn Thị Minh	12.05.1986	GV Mầm non		75,0	75,0	Chiều
124	4	124	Trương Thị Minh	08.10.1992	GV Mầm non			0,0	Vắng
125	5	125	Nguyễn Thị My	03.03.1995	GV Mầm non	5,0	69,0	74,0	Sáng
126	5	126	Trương Thị Nam	09.01.1998	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
127	5	127	Vũ Thị Nam	03.04.1986	GV Mầm non		69,0	69,0	Sáng
128	5	128	Lê Thị Nga	15.01.1991	GV Mầm non		41,0	41,0	Sáng
129	5	129	Lê Thị Nga	10.02.1992	GV Mầm non		85,0	85,0	Sáng
130	5	130	Lê Thị Ngân	30.09.1987	GV Mầm non		72,0	72,0	Sáng
131	5	131	Võ Thị Ngoan	30.06.1988	GV Mầm non			0,0	Vắng
132	5	132	Lê Thị Hồng Ngoan	26.08.1990	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
133	5	133	Cao Thị Ngọc	26.03.1993	GV Mầm non		85,0	85,0	Sáng
134	5	134	Đỗ Thị Ngọc	02.07.1987	GV Mầm non		55,0	55,0	Sáng
135	5	135	Cao Thị Ngọc	20.10.1994	GV Mầm non		30,0	30,0	Sáng
136	5	136	Lê Thị Ngọc	03.01.1998	GV Mầm non		30,0	30,0	Sáng
137	5	137	Lê Thị Nguyên	20.03.1990	GV Mầm non		74,0	74,0	Sáng
138	5	138	Vũ Thị Nguyên	12.07.1989	GV Mầm non		65,0	65,0	Sáng
139	5	139	Lê Thị Nguyệt	20.09.1997	GV Mầm non		70,0	70,0	Sáng
140	5	140	Lê Thị Nguyệt	20.02.1994	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
141	5	141	Lang Thị Nhung	10.07.1992	GV Mầm non	5,0	48,0	53,0	Chiều
142	5	142	Hàn Thị Nhung	05.01.1988	GV Mầm non		84,0	84,0	Chiều
143	5	143	Trần Thị Nhung	26.01.1982	GV Mầm non		35,0	35,0	Chiều
144	5	144	Nguyễn Thị Nhung	16.04.1989	GV Mầm non			0,0	Vắng
145	5	145	Trương Thị Ninh	05.06.1989	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
146	5	146	Nguyễn Hùng Ninh	12.12.1986	GV Mầm non		75,0	75,0	Chiều
147	5	147	Lê Thị Nương	23.08.1994	GV Mầm non		71,0	71,0	Chiều
148	5	148	Lê Thị Oanh	10.06.1994	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
149	5	149	Vũ Thị Phượng	08.09.1990	GV Mầm non	5,0		5,0	Vắng
150	5	150	Khuông Thị Phương	03.10.1998	GV Mầm non		5,0	5,0	Chiều
151	5	151	Lê Thị Phương	10.08.1983	GV Mầm non		70,0	70,0	Chiều
152	5	152	Nguyễn Thị Phương	10.10.1991	GV Mầm non		20,0	20,0	Chiều
153	5	153	Hoàng Thị Mai Phương	23.09.1997	GV Mầm non		15,0	15,0	Chiều
154	5	154	Trần Thị Phương	26.07.1986	GV Mầm non		20,0	20,0	Chiều
155	6	155	Đoàn Thị Phượng	10.02.1989	GV Mầm non		39,0	39,0	Sáng
156	6	156	Trịnh Thùy Phương	16.09.1986	GV Mầm non	5,0	62,0	67,0	Sáng
157	6	157	Nguyễn Thị Bích Phương	06.05.1997	GV Mầm non		53,0	53,0	Sáng
158	6	158	Nguyễn Chúc Phương	15.01.1998	GV Mầm non			0,0	Vắng
159	6	159	Lại Thị Phượng	18.08.1988	GV Mầm non		50,0	50,0	Sáng
160	6	160	Nguyễn Thị Phượng	12.08.1993	GV Mầm non		84,0	84,0	Sáng
161	6	161	Nguyễn Thị Quy	17.11.1990	GV Mầm non			0,0	Vắng
162	6	162	Lê Thị Quý	08.03.1989	GV Mầm non		39,0	39,0	Sáng
163	6	163	Lê Thị Quỳnh	12.01.1996	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
164	6	164	Nguyễn Thị Quỳnh	20.11.1997	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
165	6	165	Nguyễn Như Quỳnh	30.01.1996	GV Mầm non		87,0	87,0	Sáng
166	6	166	Lê Thị Tâm	07.11.1993	GV Mầm non		50,0	50,0	Sáng

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
167	6	167	Phạm Thị Tâm	08.10.1989	GV Mầm non			0,0	Vắng
168	6	168	Hoàng Thị Tâm	17.07.1996	GV Mầm non		82,0	82,0	Sáng
169	6	169	Lê Thị Tâm	28.11.1995	GV Mầm non		63,0	63,0	Sáng
170	6	170	Lê Thị Thắm	20.05.1992	GV Mầm non		40,0	40,0	Chiều
171	6	171	Lê Thị Thắm	24.01.1994	GV Mầm non		75,0	75,0	Chiều
172	6	172	Lê Thị Thanh	02.09.1993	GV Mầm non		55,0	55,0	Chiều
173	6	173	Lê Thị Thảo	15.11.1988	GV Mầm non		81,0	81,0	Chiều
174	6	174	Trần Thị Thảo	19.05.1993	GV Mầm non		70,0	70,0	Chiều
175	6	175	Trịnh Thị Thảo	26.12.1996	GV Mầm non			0,0	Vắng
176	6	176	Lê Thị Thảo	28.10.1997	GV Mầm non		76,0	76,0	Chiều
177	6	177	Lê Thị Thảo	24.03.1994	GV Mầm non		40,0	40,0	Chiều
178	6	178	Lê Thị Thảo	05.10.1992	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
179	6	179	Trương Thị Thảo	05.08.1990	GV Mầm non		60,0	60,0	Chiều
180	6	180	Lê Thị Thi	15.10.1991	GV Mầm non		38,0	38,0	Chiều
181	6	181	Lê Thị Thiêm	06.02.1992	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
182	6	182	Lê Thị Thoa	03.02.1988	GV Mầm non		83,0	83,0	Chiều
183	6	183	Hồ Thị Thoa	07.07.1988	GV Mầm non		50,0	50,0	Chiều
184	6	184	Hàn Thị Thơm	11.07.1987	GV Mầm non		70,0	70,0	Chiều
185	7	185	Nguyễn Thị Thu	16.09.1986	GV Mầm non		52,0	52,0	Sáng
186	7	186	Đặng Thị Thu	09.01.1991	GV Mầm non		50,0	50,0	Sáng
187	7	187	Nguyễn Thị Thu	15.10.1988	GV Mầm non		50,0	50,0	Sáng
188	7	188	Vũ Thị Thu	20.10.1997	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
189	7	189	Nguyễn Thị Thu	06.03.1986	GV Mầm non		55,0	55,0	Sáng
190	7	190	Nguyễn Thị Thu	11.12.1994	GV Mầm non		70,0	70,0	Sáng
191	7	191	Lê Thị Thu	17.07.1993	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
192	7	192	Nguyễn Lê Thu	10.10.1994	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
193	7	193	Nguyễn Thị Hoài Thương	22.11.1992	GV Mầm non		70,0	70,0	Sáng
194	7	194	Lê Thị Thương	29.05.1988	GV Mầm non		0,0	0,0	Sáng
195	7	195	Lê Thị Thương	26.10.1988	GV Mầm non		75,0	75,0	Sáng
196	7	196	Lê Thị Thủy Thương	23.07.1992	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
197	7	197	Đặng Thị Thương	05.10.1990	GV Mầm non			0,0	Vắng
198	7	198	Nguyễn Thị Thúy	05.03.1991	GV Mầm non		60,0	60,0	Sáng
199	7	199	Nguyễn Thị Thúy	17.04.1992	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
200	7	200	Khuông Thị Thúy	04.11.1996	GV Mầm non		50,0	50,0	Chiều

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
201	7	201	Lê Thị Thúy	01.01.1998	GV Mầm non			0,0	Vắng
202	7	202	Bùi Thị Thúy	25.09.1995	GV Mầm non	5,0		5,0	Vắng
203	7	203	Nguyễn Thị Thúy	04.06.1995	GV Mầm non		74,0	74,0	Chiều
204	7	204	Phạm Thị Thúy	19.04.1995	GV Mầm non		68,0	68,0	Chiều
205	7	205	Nguyễn Thị Thúy	20.10.1987	GV Mầm non		67,0	67,0	Chiều
206	7	206	Nguyễn Thị Thúy	10.09.1989	GV Mầm non		74,0	74,0	Chiều
207	7	207	Nguyễn Thị Thúy	16.10.1987	GV Mầm non		61,0	61,0	Chiều
208	7	208	Lê Thị Thủy	09.12.1996	GV Mầm non		51,0	51,0	Chiều
209	7	209	Lê Thị Thủy	17.07.1989	GV Mầm non		52,0	52,0	Chiều
210	7	210	Cầm Thị Thủy	15.03.1991	GV Mầm non	5,0	83,0	88,0	Chiều
211	7	211	Trần Thị Thủy	06.07.1996	GV Mầm non		84,0	84,0	Chiều
212	7	212	Nguyễn Thị Thủy	07.11.1997	GV Mầm non		74,0	74,0	Chiều
213	7	213	Nguyễn Thị Thủy	02.05.1986	GV Mầm non		47,0	47,0	Chiều
214	7	214	Nguyễn Thị Thủy	28.08.1987	GV Mầm non		73,0	73,0	Chiều
215	8	215	Lê Thị Tiến	02.01.1988	GV Mầm non		60,0	60,0	Sáng
216	8	216	Nguyễn Thị Tĩnh	23.10.1994	GV Mầm non			0,0	Vắng
217	8	217	Nguyễn Thị Hà Trang	14.05.1999	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
218	8	218	Chu Thị Trang	01.03.1994	GV Mầm non		85,0	85,0	Sáng
219	8	219	Nguyễn Thị Trang	10.11.1990	GV Mầm non		71,0	71,0	Sáng
220	8	220	Luông Thị Trang	22.12.1997	GV Mầm non		74,0	74,0	Sáng
221	8	221	Đào Thị Thùy Trang	16.07.1994	GV Mầm non			0,0	Vắng
222	8	222	Lê Thị Trang	22.09.1997	GV Mầm non		9,0	9,0	Sáng
223	8	223	Đoàn Thị Trọng	12.09.1987	GV Mầm non		40,0	40,0	Sáng
224	8	224	Lê Thị Trang	18.02.1996	GV Mầm non		83,0	83,0	Sáng
225	8	225	Cao Thị Trang	25.03.1996	GV Mầm non		74,0	74,0	Sáng
226	8	226	Nguyễn Thị Thu Trang	16.09.1991	GV Mầm non		74,0	74,0	Sáng
227	8	227	Nguyễn Thị Trang	20.11.1991	GV Mầm non		86,0	86,0	Sáng
228	8	228	Đỗ Thị Trang	05.04.1983	GV Mầm non	5,0	74,0	79,0	Sáng
229	8	229	Hoàng Thị Trang	20.11.1993	GV Mầm non		87,0	87,0	Sáng
230	8	230	Trần Thị Tú	13.01.1996	GV Mầm non		70,0	70,0	Chiều
231	8	231	Lê Thị Tuyên	05.05.1995	GV Mầm non		74,0	74,0	Chiều
232	8	232	Đình Thị Hồng Tuyên	18.05.1996	GV Mầm non		69,0	69,0	Chiều
233	8	233	Lê Thị Tuyên	20.12.1991	GV Mầm non		64,0	64,0	Chiều
234	8	234	Lê Thị Tuyết	20.07.1993	GV Mầm non		41,0	41,0	Chiều

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
235	8	235	Hà Thị Vân	29.04.1996	GV Mầm non		52,0	52,0	Chiều
236	8	236	Lê Thị Vân	10.10.1988	GV Mầm non		53,0	53,0	Chiều
237	8	237	Lương Thị Việt	10.06.1990	GV Mầm non		59,0	59,0	Chiều
238	8	238	Nguyễn Thị Vui	30.04.1995	GV Mầm non			0,0	Vắng
239	8	239	Nguyễn Thị Xuân	30.06.1989	GV Mầm non	5,0	56,0	61,0	Chiều
240	8	240	Lê Thị Xuân	23.09.1988	GV Mầm non		63,0	63,0	Chiều
241	8	241	Nguyễn Thị Xuân	08.07.1983	GV Mầm non		61,0	61,0	Chiều
242	8	242	Lê Thị Xuyên	12.05.1986	GV Mầm non		71,0	71,0	Chiều
243	8	243	Nguyễn Thị Hải Yến	01.02.1991	GV Mầm non	5,0	21,0	26,0	Chiều
244	8	244	Phạm Thị Yến	06.04.1987	GV Mầm non	5,0	69,0	74,0	Chiều
245	9	245	Nguyễn Thị Lan	10.10.1981	GV Tin học TH		82,5	82,5	Sáng
246	9	246	Lê Thị Tuyền	02.10.1983	GV Tin học TH		60,0	60,0	Sáng
247	9	247	Phạm Kim Tuyền	08.03.1991	GV Tin học TH		70,0	70,0	Sáng
248	9	248	Hoàng Thị Vân	14.10.1983	GV Tin học TH		81,0	81,0	Sáng
249	9	249	Hoàng Văn Cường	26.06.1987	GV Thể dục TH		49,0	49,0	Sáng
250	9	250	Nguyễn Thị Thu Hiền	04.12.1983	GV Thể dục TH	5,0	80,0	85,0	Sáng
251	9	251	Nguyễn Thị Thìn	10.05.1988	GV Thể dục TH		40,0	40,0	Sáng
252	9	252	Lương Thị Diệu Thủy	02.11.1988	GV Thể dục TH		82,0	82,0	Sáng
253	9	253	Lê Thị Hiếu	06.10.1989	GV Thể dục TH		80,5	80,5	Sáng
254	9	254	Hắc Thị Hồng	03.04.1983	GV Thể dục TH			0,0	Vắng
255	9	255	Trương Thị Hồng	16.05.1988	GV Thể dục TH	5,0	70,0	75,0	Sáng
256	9	256	Nguyễn Xuân Lâm	29.07.1997	GV Thể dục TH		82,5	82,5	Sáng
257	9	257	Nguyễn Thị Loan	19.08.1987	GV Thể dục TH		83,5	83,5	Sáng
258	9	258	Trần Anh Minh	13.08.1985	GV Thể dục TH	5,0	51,0	56,0	Sáng
259	9	259	Lê Văn Thọ	16.07.1985	GV Thể dục TH		73,5	73,5	Sáng
260	9	260	Lê Bá Tuấn	28.03.1995	GV Thể dục TH		19,5	19,5	Sáng
261	9	261	Lê Bá Tư	15.05.1988	GV Thể dục TH			0,0	Vắng
262	9	262	Lê Thị Nhung	27.04.1997	GV Thể dục TH		52,0	52,0	Chiều
263	9	263	Đỗ Thị Dung	12.10.1984	GV Văn Hóa TH		86,0	86,0	Chiều
264	9	264	Nguyễn Thị Liên	20.06.1979	GV Văn Hóa TH		84,0	84,0	Chiều
265	9	265	Đặng Thị Thủy	06.05.1989	GV Văn Hóa TH		84,0	84,0	Chiều
266	9	266	Nguyễn Thị Bích	24.03.1980	GV Văn Hóa TH		84,0	84,0	Chiều
267	9	267	Vũ Thị Châu	19.05.1988	GV Văn Hóa TH		61,0	61,0	Chiều
268	9	268	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14.12.1997	GV Văn Hóa TH	5,0	65,0	70,0	Chiều

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
269	9	269	Phạm Thị Hằng	06.03.1992	GV Văn Hóa TH		85,0	85,0	Chiều
270	9	270	Trần Thu Hằng	04.09.1996	GV Văn Hóa TH		54,0	54,0	Chiều
271	9	271	Nguyễn Thị Thu Hằng	20.08.1996	GV Văn Hóa TH		54,0	54,0	Chiều
272	9	272	Mai Thị Hiền	22.08.1994	GV Văn Hóa TH		83,0	83,0	Chiều
273	9	273	Hoàng Thị Hoa	07.09.1996	GV Văn Hóa TH		84,0	84,0	Chiều
274	9	274	Lê Thị Hồng	01.07.1989	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
275	9	275	Nguyễn Việt Hùng	22.02.1980	GV Văn Hóa TH		69,0	69,0	Chiều
276	9	276	Lê Thị Hương	25.02.1997	GV Văn Hóa TH		85,0	85,0	Chiều
277	9	277	Hoàng Thị Lệ	01.08.1984	GV Văn Hóa TH		62,0	62,0	Chiều
278	10	278	Quách Thị Lịch	04.03.1993	GV Văn Hóa TH	5,0	59,0	64,0	Sáng
279	10	279	Phạm Thị Thùy Linh	02.06.1997	GV Văn Hóa TH		68,0	68,0	Sáng
280	10	280	Hà Khánh Linh	20.11.1997	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
281	10	281	Bùi Thị Loan	19.05.1991	GV Văn Hóa TH		85,0	85,0	Sáng
282	10	282	Nguyễn Thị Luật	06.01.1993	GV Văn Hóa TH		88,0	88,0	Sáng
283	10	283	Trần Ngọc Mai	18.09.1995	GV Văn Hóa TH	5,0	80,0	85,0	Sáng
284	10	284	Bùi Ngọc Mai	22.07.1989	GV Văn Hóa TH	5,0	78,0	83,0	Sáng
285	10	285	Trương Thị Mến	02.04.1993	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
286	10	286	Lê Thị Nga	12.12.1995	GV Văn Hóa TH		58,0	58,0	Sáng
287	10	287	Phan Thị Nga	04.08.1997	GV Văn Hóa TH		83,0	83,0	Sáng
288	10	288	Cao Thị Ngân	15.09.1995	GV Văn Hóa TH		86,0	86,0	Sáng
289	10	289	Lê Ánh Ngọc	05.05.1996	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
290	10	290	Hoàng Thị Nguyên	07.11.1995	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
291	10	291	Nguyễn Thị Nhân	14.02.1994	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
292	10	292	Hoàng Thị Nhu	20.09.1995	GV Văn Hóa TH	5,0	50,0	55,0	Sáng
293	10	293	Nguyễn Thị Oanh	10.08.1996	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
294	10	294	Nguyễn Thị Phương	06.08.1995	GV Văn Hóa TH		83,0	83,0	Sáng
295	10	295	Nguyễn Thị Phương	13.12.1998	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
296	10	296	Lê Hồng Quý	08.09.1996	GV Văn Hóa TH		84,0	84,0	Chiều
297	10	297	Đặng Thị Quỳnh	25.08.1993	GV Văn Hóa TH		70,0	70,0	Chiều
298	10	298	Nguyễn Thị Thi	20.08.1986	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
299	10	299	Bùi Huyền Thương	05.01.1996	GV Văn Hóa TH	5,0		5,0	Vắng
300	10	300	Lê Thị Thùy	22.09.1997	GV Văn Hóa TH		82,0	82,0	Chiều
301	10	301	Vũ Thị Thùy	05.03.1994	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
302	10	302	Phạm Thị Trang	15.01.1994	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng

TT	Phòng	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm Ưu tiên	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
303	10	303	Bùi Thị Trang	12.08.1996	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
304	10	304	Nguyễn Thị Huyền Trang	24.11.1997	GV Văn Hóa TH		85,0	85,0	Chiều
305	10	305	Nguyễn Thị Trang	24.09.1994	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
306	10	306	Lê Thu Trang	03.03.1998	GV Văn Hóa TH		85,0	85,0	Chiều
307	10	307	Lê Hà Trang	02.04.1994	GV Văn Hóa TH			0,0	Vắng
308	10	308	Vũ Thị Vách	02.02.1980	GV Văn Hóa TH		75,0	75,0	Chiều
309	10	309	Bùi Thị Vân	15.05.1990	GV Văn Hóa TH	5,0	70,0	75,0	Chiều
310	10	310	Lê Thị Yến	28.06.1986	GV Văn Hóa TH		83,0	83,0	Chiều

THƯ KÝ



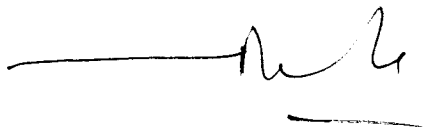
Nguyễn Văn Ngọc

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA, SÁT HẠCH



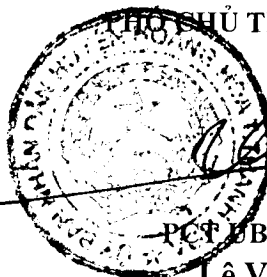
**TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ
Nguyễn Hùng Thao**

TRƯỞNG BAN GIÁM SÁT



**CHÁNH THANH TRA HUYỆN
Nguyễn Văn Khánh**

CHỖ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**PHỤ ĐẠO BND HUYỆN
Lê Văn Phúc**